

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: 14/2026/HS-ST  
Ngày 27 - 3 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

**Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 21/9/1999, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 9B L, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: G D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Trần Thị Tuyết A**; có vợ: **Phạm Ngọc Anh T2** và 02 người con lớn nhất sinh năm 2023 và nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2025 tại Trại tạm giam số 1, tỉnh Đồng Nai cho đến nay, “có mặt”.

**- Người tham gia tố tụng khác:**

\* Người làm chứng:

1. Ông **Tô Trường Vĩnh H**, sinh năm 1999 “vắng mặt”;

Nơi thường trú: **B T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh)**.

2. Ông **Trần Huỳnh Nam A1**, sinh năm 1996 “vắng mặt”;

Nơi thường trú: 190/39/38/4D, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/02/2024, Tô Trường Vĩnh H, sinh năm 1994, nơi thường trú: B T, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh) nhắn tin qua ứng dụng Messenger nhờ Nguyễn Ngọc T tìm người bán súng và hứa hẹn sẽ cho T 5.000.000 đồng nếu mua được súng, T đồng ý. Đến ngày 22/02/2024, T liên hệ với Trần Huỳnh Nam A1, sinh năm 1996, nơi thường trú: 190/39/38/4D khu phố C, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) để hỏi mua súng K54 thì Nam Anh báo giá 28.000.000 đồng/khẩu. T báo lại cho H nhưng H không mua vì không đủ tiền, chỉ có 15.000.000 đồng và yêu cầu tìm loại súng khác. Sau đó, Nam A1 gửi hình ảnh một khẩu súng dạng rulo cho T, đồng thời T chuyển hình ảnh này cho H thì H đồng ý mua và yêu cầu T hẹn Nam Anh gặp mặt trực tiếp để mua bán súng. Sau đó, T đã hẹn Nam A1 và H cùng đi đến quán nước gần khu chung cư B thuộc phường D, thành phố Hồ Chí Minh. Khi H và Nam A1 gặp nhau để mua bán súng thì T nói có việc nên về nhà trước, việc mua bán súng giữa N và H đã thực hiện xong. Ngày 23/02/2024, khi biết H và N bị Cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ về hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng nên T đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Đến ngày 08/10/2025, T đến Công an phường T, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tại Kết luận giám định số 1551/KL-KTHS ngày 26/02/2024 của Phân viện KHHS tại TP Hồ Chí Minh – Bộ C kết luận:

- Khẩu súng ổ quay màu đen gửi giám định là súng chế tạo thủ công nòng nhẵn, súng sử dụng để bắn phát một với đạn cỡ thể thao cỡ (5,6 x15,5)mm. Hiện tại súng có đủ bộ phận và bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc vũ khí quân dụng.

- 06 (sáu) viên đạn, dẹt đạn cùng ký hiệu C gửi giám định là loại đạn cỡ (5,6x15,5)mm, thuộc nhóm vũ khí thể thao không phải vũ khí quân dụng. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số súng quân dụng, thể thao như: TOZ8, K55, súng ám hình bút, một số súng chế tạo thủ công có đường kính buồng đạn phù hợp...và khẩu súng ổ quay nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSDNI-P1 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 304 Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức án tù 02 năm tù

đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án số 59/2024/HSST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai).

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Ngọc T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã xác định.

Bị cáo **T** nói lời sau cùng: Sau khi phạm tội bị cáo đã rất hối hận nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh B** nay là tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Kết luận giám định số 1551/KL-KTHS ngày 26/02/2024 của Phân viện KHHS tại TP Hồ Chí Minh – **Bộ C**; lời khai của người làm chứng phù hợp về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/02/2024, **Nguyễn Ngọc T** nhận tìm mua súng cho **Tô Trường Vĩnh H** để hưởng tiền công. Đến ngày 22/02/2024, **T** đã liên hệ với **Trần Huỳnh Nam A1** hỏi mua súng, đồng thời chuyển hình ảnh súng dạng rulo là vũ khí quân dụng cho **H** xem, hẹn **H** và **Nam A1** cùng đến khu **chung cư B thuộc phường D, thành phố Hồ Chí Minh** để trực tiếp thực hiện việc mua bán súng với nhau. Ngày 23/02/2024, khi **H** và **Nam A1** đang mua bán súng thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ. Đến ngày 08/10/2025, **T** ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[3] Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Ngọc T** với quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái

phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. **Do đó, Cáo trạng số 02/CT-VKSDNI-P1 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.**

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quy định của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là rất nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 5.000.000đ nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo **T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo đã từng tham gia quân ngũ trong **Q**, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo **T** là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 304 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.”, do đó bị cáo **T** có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, khi thực hiện tội phạm bị cáo **T** là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo **T**.

[7] Về vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án số 59/2024/HSST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai) nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai đề nghị mức hình phạt và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với hành vi của Tô Trường Vĩnh H và Trần Huỳnh Nam A1 đã được xét xử tại Bản án số 59/2024/HSST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Đồng Nai) nên không đề cập xử lý.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 02 (H1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 08/10/2025.

**2.** Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**3.** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mùa**

**Phan Tấn Lãm**

**Nguyễn Văn Công**